

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 531/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29 – 9 – 2020
V/v “Tranh chấp về ly hôn, nuôi con
chung giữa chị M và anh Đ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ
2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 393/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 251/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: tổ 45, ấp Chánh Hưng, xã BL, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Bình Phước, xã BC, huyện C, tỉnh An Giang.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 7 năm 2020 và trong quá trình hòa giải, xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị M trình bày:

1. Về hôn nhân: Vợ chồng quen biết vào năm 2018 vợ chồng anh chị chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BC. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng

không thể hàn gắn chung sống lâu dài với nhau được nữa, vợ chồng ly thân từ ngày 31/6/2020 đến nay. Nay tình cảm không còn xin được ly hôn.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Gia Huy, sinh ngày 21/5/2019, hiện con chung đang sống chung với chị M, chị M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị M yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn Phạm Văn Đ trình bày:

Về hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của chị M về quá trình đi đến hôn nhân, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BC. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ thường xuyên về nhà cha mẹ vợ (một tuần đi 4 ngày), không quan tâm đến sinh hoạt của anh. Tuy nhiên, anh cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không lớn, anh còn thương vợ thương con, anh yêu cầu được đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Gia Huy như chị M trình bày. Hiện cháu Huy còn nhỏ nên do chị M chăm sóc nuôi dưỡng, anh không đồng ý để chị M nuôi dưỡng một mình, anh yêu cầu vợ chồng cùng chăm sóc nuôi dưỡng vì cháu Huy còn nhỏ.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Đ. Anh Đ không đồng ý.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị cho chị M ly hôn anh Đ, do anh chị ly thân đã lâu, cho thấy anh chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Gia Huy, sinh ngày 21/5/2019. Hiện cháu Huy đang do chị M chăm sóc nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huy, anh Đ không đồng ý. Xét thấy cháu Huy chưa được 36 tháng tuổi và hiện đang do chị M chăm sóc nuôi dưỡng, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ trong 03 năm đầu đời cần giao cháu Huy cho chị M chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Huy cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Các giấy tờ chứng minh tư cách chủ thể của các đương sự; Photo giấy chứng nhận kết hôn; Photo giấy khai sinh của cháu Huy; Biên bản xác minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, về nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị M và anh Đ chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BC, huyện C, tỉnh An Giang, phù hợp quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân. Chị M khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Đ với lý do: Anh và chị có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã ly thân. Anh Đ không đồng ý ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không lớn, còn thương vợ, thương con muốn đoàn tụ gia đình, xây dựng lại gia đình hạnh phúc.

Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị M vẫn giữ yêu cầu ly hôn, anh Đ giữ quan điểm không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Mỗi quan hệ vợ chồng là mối quan hệ gắn bó lâu dài và bền vững, vợ chồng phải thương yêu chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, cùng chung tay nuôi dưỡng chăm sóc con chung, vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, đối xử lịch thiệp văn minh với nhau nhưng anh chị thường xuyên cãi vã, gây mất tình cảm vợ chồng, dẫn đến vợ chồng đã ly thân. Anh, chị đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, nên chị M yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Gia Huy, sinh ngày 21/5/2019. Hiện cháu Huy đang do chị M chăm sóc nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Huy, anh Đ không đồng ý. Xét thấy cháu Huy

chưa được 36 tháng tuổi và hiện đang do chị Muôi chăm sóc nuôi dưỡng, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ trong 03 năm đầu đời cần giao cháu Huy cho chị M được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Huy cho chị M được tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Phạm Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003539 ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị M được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Chị M và anh Đ có 01 con chung tên Phạm Gia Huy, sinh ngày 21/5/2019, hiện cháu Huy do chị M đang chăm sóc nuôi dưỡng.

2.2. Giao cháu Phạm Gia Huy, sinh ngày 21/5/2019 cho chị Lê Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003539 ngày 23 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã BC;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Tuấn Huỳnh Văn Hùng

Lê Thị Hồng Thi

TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

C, ngày 26 tháng 01 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về “T/c về ly hôn”, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984

2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:

* Về quan hệ pháp luật: “tranh chấp về ly hôn”: Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Nghi Bình

Huỳnh Công Tấn

Ngô Ngọc Phi